

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 35

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Xuân Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 09 năm 2024; bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 09 năm 2024; miễn nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2024)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Hào	Thành viên
Ông Trần Văn Quỳnh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau: Ông Lê Anh Dũng - Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 04/09/2024 và từ ngày 05/12/2024 đến nay); Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc (từ ngày 05/09/2024 đến ngày 04/12/2024).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Anh Dũng

Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 05 năm 2025

Số: 051601/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 16 tháng 05 năm 2025, từ trang 5 đến trang 35 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

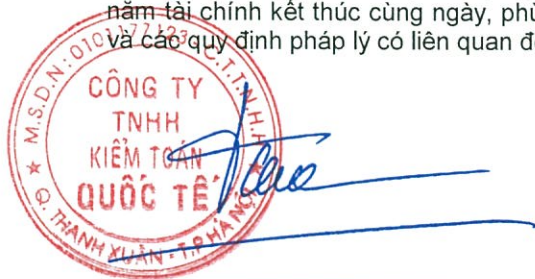
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2025

Dư Thị Kiều Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5193-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.560.657.324.242	3.843.254.864.968
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.920.568.601	51.851.758.408
1. Tiền	111		21.000.568.601	27.551.758.408
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.920.000.000	24.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.12	293.368.500.000	921.261.312.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		293.368.500.000	910.261.312.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.191.821.060.065	2.818.458.457.420
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	528.636.619.570	696.064.318.284
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	82.750.015.085	1.536.956.512.551
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.076.891.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	578.725.230.050	660.619.431.225
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(75.181.804.640)	(75.181.804.640)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	5.694.238.129	20.887.939.085
1. Hàng tồn kho	141		5.869.681.126	27.977.752.483
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(175.442.997)	(7.089.813.398)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.852.957.447	30.795.398.055
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	366.668.822	207.348.548
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.468.339.929	29.261.203.852
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	1.017.948.696	1.326.845.655
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.311.175.861.771	1.149.394.786.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.027.000.000	7.027.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.027.000.000	7.027.000.000
II. Tài sản cố định	220		14.459.829.566	18.743.013.767
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.696.154.968	16.884.472.913
- Nguyên giá	222		91.985.920.721	91.016.721.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.289.765.753)	(74.132.248.274)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.763.674.598	1.858.540.854
- Nguyên giá	228		3.915.426.876	3.915.426.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.151.752.278)	(2.056.886.022)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		593.778.119.010	476.856.893.411
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	593.778.119.010	476.856.893.411
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	637.620.482.447	585.364.826.447
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.153.756.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		364.109.145.060	406.109.145.060
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		272.513.336.800	180.411.436.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.155.755.413)	(1.155.755.413)
V. Tài sản dài hạn khác	260		58.290.430.748	61.403.052.721
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	58.290.430.748	61.403.052.721
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.871.833.186.013	4.992.649.651.314

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.176.493.433.800	2.353.586.513.880
I. Nợ ngắn hạn	310		293.091.850.144	1.433.224.854.017
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	35.814.735.961	33.772.034.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	167.144.850.768	1.324.917.539.929
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	4.179.815.542	5.744.118.842
4. Phải trả người lao động	314		1.107.149.948	1.113.473.960
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	707.573.261	416.283.343
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	80.530.213.625	63.435.292.626
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.607.511.039	3.826.111.039
II. Nợ dài hạn	330		883.401.583.656	920.361.659.863
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	877.237.371.095	920.361.659.863
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	6.164.212.561	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.695.339.752.213	2.639.063.137.434
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.695.339.752.213	2.639.063.137.434
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.422.939.000.000	1.422.939.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.063.991.250.000	1.063.991.250.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		208.409.502.213	152.132.887.434
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối năm trước	421a		152.132.887.434	143.344.067.142
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		56.276.614.779	8.788.820.292
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.871.833.186.013	4.992.649.651.314



Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 05 năm 2025



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

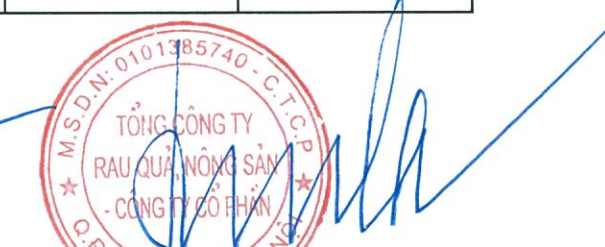
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.268.254.315.345	6.719.576.252.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	343.252.105	587.873.088
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.267.911.063.240	6.718.988.379.251
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.250.861.864.077	6.719.608.454.886
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.049.199.163	(620.075.635)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	187.581.439.420	125.868.863.644
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	115.801.320.828	85.392.432.162
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4a	7.563.421.216	7.908.002.357
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4b	23.880.262.596	22.638.297.562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.385.633.943	9.310.055.928
11. Thu nhập khác	31		243.258.355	251.042.510
12. Chi phí khác	32		716.838.397	772.278.146
13. Lợi nhuận khác	40		(473.580.042)	(521.235.636)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.912.053.901	8.788.820.292
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	635.439.122	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.276.614.779	8.788.820.292


Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 05 năm 2025


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng


Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	56.912.053.901	8.788.820.292
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.367.383.735	5.315.206.908
Các khoản dự phòng	03	(6.914.370.401)	290.923.663
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(927.473.401)	102.839.382
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(60.554.053.622)	(37.473.804.883)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.116.459.788)	(22.976.014.638)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.846.848.069.996	(460.629.764.164)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	22.108.071.357	20.195.701.264
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.184.074.994.933)	1.464.486.573.781
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.953.301.699	3.164.450.110
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	616.892.812.000	(910.261.312.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(4.781.024.550)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(218.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.298.392.200.331	89.198.609.803
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(117.604.561.963)	(68.101.196.285)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.076.891.000.000)	(16.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ đơn vị khác	24	11.000.000.000	37.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(194.245.656.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.707.685.949	37.473.804.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.324.033.532.014)	(9.627.391.402)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.164.212.561	7.660.660.758
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(54.550.982.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.164.212.561	(46.890.321.578)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(19.477.119.122)	32.680.896.823
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	51.851.758.408	19.273.700.967
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	545.929.315	(102.839.382)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.920.568.601	51.851.758.408


Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 05 năm 2025


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, nông sản, ngày 04 tháng 01 năm 2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần.

Hiện nay, Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 10 ngày 05 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.422.939.000.000 đồng (Một ngàn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 12 tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hoá chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh hàng hóa nông sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán, một chỉ tiêu được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh năm nay (Chi tiết thuyết minh số VII.5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có công ty con, các công ty liên kết và các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Phát triển Đô thị Sóc Trăng Green Park	Sóc Trăng	100%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
2	Công ty TNHH Phát triển khu dân cư và thương mại dịch vụ Liêm Tuyền	Hà Nam	100%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Hợp sắt TOVECAN	TP HCM	22,64%	Sản xuất vỏ hộp
2	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu Tư Việt Hà	Hà Nội	36,10%	Đầu tư tài chính
3	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	Hà Nội	36,00%	Xây dựng, vật liệu
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona Newtowner	Đồng Nai	32,36%	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát

Các đơn vị trực thuộc

- Công ty Giống Rau quả Trung ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần
- Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 144 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 134 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty/Doanh nghiệp có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03
Tài sản cố định khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến diện tích đất đang sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao dựa trên thời gian sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 33 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao ước tính là 10 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	236.629.599	181.750.243
Tiền gửi ngân hàng	20.763.939.002	27.370.008.165
Các khoản tương đương tiền (*)	11.920.000.000	24.300.000.000
Cộng	32.920.568.601	51.851.758.408

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 3,1%/năm.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Trường Thành	180.549.559.694	221.681.025.190
Công ty TNHH Đầu tư và Cung ứng Thực phẩm Thành Phát	135.680.968.066	228.602.755.480
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nông sản NEWFEED	61.136.036.330	68.054.634.580
Công ty Cổ phần Điều và Macadamia Tốt Nhất	27.351.425.149	27.351.425.149
Công ty Cổ phần Nông Sản BIVC Quốc tế	-	104.276.181.125
Các khách hàng khác	123.918.630.331	46.098.296.760
Cộng	528.636.619.570	696.064.318.284

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	-	1.466.955.485.619
GOMES & GOMES, S.A	36.880.249.061	36.880.249.061
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghệ HT	17.531.051.514	-
Trả trước cho người bán khác	28.338.714.510	33.120.777.871
Cộng	82.750.015.085	1.536.956.512.551

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Thành Long	88.747.000.000	-
Bà Lương Khánh Huyền	34.524.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ nghệ Đông Dương	104.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Xuân Ba	51.790.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kinh doanh Bất động sản Huy	438.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Khánh	359.130.000.000	-
Cộng	1.076.891.000.000	-

Các khoản phải thu về cho vay theo các hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên, lãi suất cho vay theo thỏa thuận. Các khoản cho vay được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	10.775.314.682	9.629.085.295
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân (*)	446.969.552.958	524.534.406.849
Phải thu tiền lãi chậm thanh toán	100.465.635.854	113.434.398.587
Cổ tức	3.071.483.973	990.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay	5.764.883.700	-
Các khoản phải thu khác	11.678.358.883	12.031.540.494
Cộng	578.725.230.050	660.619.431.225
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	7.027.000.000	7.027.000.000
Cộng	7.027.000.000	7.027.000.000

- (*) Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân. Theo đó, Tổng Công ty giao vốn cho các cá nhân quản lý, sử dụng để thực hiện hoạt động đầu tư. Thời gian hợp tác là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế với Nhà nước hoặc theo thỏa thuận giữa 2 bên.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	207.563.999	134.322.760
Chi phí trả trước khác	159.104.823	73.025.788
Cộng	366.668.822	207.348.548
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất	57.823.403.717	60.695.839.062
Chi phí trả trước khác	467.027.031	707.213.659
Cộng	58.290.430.748	61.403.052.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc có thể thu hồi VND
Công ty Chesapeake Imports LLC	3.748.659.854	-	3.748.659.854	-
Công ty Gomex & Gomex SA	36.880.249.061	-	36.880.249.061	-
Công ty Cổ phần Điều và Macadamia Tốt Nhất	27.351.425.149	-	27.351.425.149	-
Các khách hàng khác	7.201.470.576	-	7.201.470.576	-
Cộng	75.181.804.640	-	75.181.804.640	-
				75.181.804.640

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	6.420.900.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.795.617.143	-	3.445.832.313	-
Công cụ, dụng cụ	237.584.823	-	326.327.660	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	759.970.721	-	4.202.206.888	-
Thành phẩm nhập kho	602.992.351	-	4.675.431.897	(2.880.213.465)
Hàng hoá	335.802.336	(175.442.997)	8.907.053.725	(4.209.599.933)
Hàng gửi bán	137.713.752	-	-	-
Cộng	5.869.681.126	(175.442.997)	27.977.752.483	(7.089.813.398)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	53.942.946.305	30.641.804.794	4.918.569.351	762.574.464	750.826.273	91.016.721.187
Xây dựng cơ bản hoàn thành	400.863.170	-	-	-	-	400.863.170
Mua trong năm	-	633.800.000	-	49.536.364	-	683.336.364
Thanh lý tài sản cố định	-	(115.000.000)	-	-	-	(115.000.000)
Số dư cuối năm	54.343.809.475	31.160.604.794	4.918.569.351	812.110.828	750.826.273	91.985.920.721
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	46.750.179.793	21.134.623.274	4.776.902.684	734.110.737	736.431.786	74.132.248.274
Khấu hao trong năm	1.904.421.863	3.297.396.352	50.000.000	8.169.558	12.529.706	5.272.517.479
Thanh lý tài sản cố định	-	(115.000.000)	-	-	-	(115.000.000)
Số dư cuối năm	48.654.601.656	24.317.019.626	4.826.902.684	742.280.295	748.961.492	79.289.765.753
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	7.192.766.512	9.507.181.520	141.666.667	28.463.727	14.394.487	16.884.472.913
Tại ngày cuối năm	5.689.207.819	6.843.585.168	91.666.667	69.830.533	1.864.781	12.696.154.968

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 28.180.970.174 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 21.412.049.831 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	642.379.800	3.273.047.076	3.915.426.876
Số dư cuối năm	642.379.800	3.273.047.076	3.915.426.876
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	642.379.800	1.414.506.222	2.056.886.022
Khấu hao trong năm	-	94.866.256	94.866.256
Số dư cuối năm	642.379.800	1.509.372.478	2.151.752.278
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	1.858.540.854	1.858.540.854
Tại ngày cuối năm	-	1.763.674.598	1.763.674.598

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 642.379.800 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 642.379.800 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Công trình khách sạn Vegetexco (i)	34.086.332.979	31.685.527.707
Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch (ii)	492.438.393.320	435.457.407.179
Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc và giới thiệu sản phẩm Cầu Tiên (iii)	39.410.607.440	9.713.958.525
Dự án Khu dân cư Nông thôn mới kết hợp xây dựng Nhà ở và Trung tâm thương mại Dịch vụ cấp vùng tại xã Liêm Tuyền và xã Đình Xá, thành phố Phủ Lý (iv)	245.250.000	-
Dự án Khu Đô thị mới Phường 4 - Khu 01, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (v)	27.497.866.705	-
Dự án khác	99.668.566	-
Cộng	593.778.119.010	476.856.893.411

- (i) Dự án "Xây dựng công trình Khách sạn Vegetexco" có địa chỉ tại số 58 Lý Thái Tổ, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội gồm cải tạo 6 tầng nhà có sẵn (kết cấu khung cột sàn bê tông cốt thép) và xây mới tầng 7. Dự án đang trong quá trình triển khai.
- (ii) Dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp gồm chung cư, văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại, kinh doanh phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ. Quy mô xây dựng: 5 tầng hầm, 24 tầng nổi và 01 tum. Khối đế thương mại dịch vụ từ tầng 1 đến tầng 3, khối tháp căn hộ từ tầng 4 đến tầng 24. Dự án đã khởi công vào cuối quý 01 năm 2020, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện.
- (iii) Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc và giới thiệu sản phẩm Cầu Tiên với quy mô đầu tư dự án diện tích đất ô đất nghiên cứu lập quy hoạch 985 m2 trong đó diện tích xây dựng công trình 940 m2, diện tích nằm trong phạm vi mở đường 45 m2; mật độ xây dựng công trình 72,1%; tầng cao công trình 12 tầng +01 tum và 02 tầng hầm; tổng diện tích sàn xây dựng (không bao gồm tầng hầm) 7.767,1 m2; tổng diện tích xây dựng tầng hầm 1.606 m2; hệ số sử dụng đất 8,3 lần. Tổng vốn đầu tư: 123.296.923 triệu đồng thực hiện bằng nguồn vốn góp thực hiện dự án của Nhà đầu tư chiếm 20% tổng vốn đầu tư và vốn vay ngân hàng chiếm 80% tổng vốn đầu tư, thời gian hoạt động dự án 50 năm. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, dự án đang thực hiện thi công kết cấu phần thô đến tầng 11 của công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (TIẾP THEO)

- (iv) Dự án Khu dân cư nông thôn mới kết hợp xây dựng nhà ở và trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng tại xã Liêm Tuyền và xã Đình Xá, Thành phố Phú Lý. Tổng Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam chấp thuận là chủ đầu tư của dự án theo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 1021/QĐ-UBND ngày 08/09/2023. Dự án có diện tích sử dụng đất khoảng 183.492 m², tổng vốn đầu tư dự kiến 5.113.924,4 triệu đồng, thời gian hoạt động dự án 50 năm. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, dự án đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.
- (v) Dự án Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 01, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với quy mô dự án khoảng 46,52 ha; tổng mức đầu tư dự kiến 4.836.456.345.532 đồng; thời gian hoạt động dự án: 50 năm. Tổng Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng chấp thuận là chủ đầu tư của dự án theo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 2592/QĐ-UBND ngày 29/10/2024. Dự án đang trong quá trình triển khai.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng CP	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
		CP	Dự phòng VND	CP	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh					
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần (***)	9.900.000	99.990.000.000	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng Nông sản Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (**)	9.408.500	193.378.500.000	(*)	7.208.500	151.378.500.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà (**)	-	-	-	5.409.520	274.262.664.000
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (**)	-	-	-	3.272.659	227.120.148.000
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Dầu tư Hà Nội (**)	-	-	-	10.000.000	257.500.000.000
Cộng		293.368.500.000	-	910.261.312.000	-

(*) Tổng Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty nêu trên vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(**) Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 22/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2023 của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần về việc thông qua Phương án đầu tư cổ phần vào các đơn vị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng Nông sản Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất, Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Dầu tư Hà Nội với số tiền lần lượt là 151.378.500.000 đồng, 274.262.664.000 đồng, 227.120.148.000 đồng, 257.500.000.000 đồng. Thời hạn đầu tư dự kiến 12 tháng đến 36 tháng với mục đích mua vào bán ra để kiếm lời.

(***) Căn cứ Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 08 năm 2024 của Hội đồng Quản trị về thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần Vinalimex và Vigecam, Tổng Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2024/HĐNTCNCNP/VIGECAM ngày 26/08/2024 và Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2024/HĐNTCNCNP/VINALIMEX ngày 27/08/2024 về chuyển nhượng lại toàn bộ 9.900.000 cổ phần Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần (Vigecam) và 2.200.000 cổ phần Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng Nông sản Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (Vinalimex). Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà; Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất; Công ty Cổ phần Liên Hiệp Xuất Nhập khẩu và Dầu Tư Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
b. Đầu tư vào Công ty con	2.153.756.000	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Đô thị Sóc Trăng Green	1.723.002.000	(*)	-	-
Park (i)	430.754.000	(*)	-	-
Công ty TNHH Phát triển Khu dân cư và Thương				
mại Dịch vụ Liêm Tuyền (i)				
c. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	364.109.145.060	(1.155.755.413)		(1.155.755.413)
Công ty Hợp sắt TOVECAN	27.719.562.751	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	280.356.698.900	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	1.155.755.413	-	(1.155.755.413)	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona	54.877.127.996	(*)	-	(*)
Newtower				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và	-	-	-	(*)
Hàng Nông sản Thực Phẩm TP HCM				
d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	272.513.336.800	-	-	-
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ				
phần				
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	80.421.436.800	(*)	-	(*)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	192.091.900.000	(*)	-	-
(ii)				
Cộng	638.776.237.860	(1.155.755.413)		(1.155.755.413)

(*) Tổng Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty con, các Công ty liên doanh, liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nêu trên vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(i) Đầu tư vào Công ty TNHH Phát triển Đô thị Sóc Trăng Green Park theo quyết định số 04/2024/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua góp vốn vào công ty con và đầu tư vào Công ty TNHH Phát triển Khu dân cư và Thương mại Dịch vụ Liêm Tuyền theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023.

(ii) Đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 08/08/2023 về việc thông qua Phương án đầu tư cổ phần tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng	22.433.774	100.668.976	100.441.058	22.661.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp	848.736.270	-	-	848.736.270
Thuế thu nhập cá nhân	146.778.652	63.704.781	116.459.246	94.024.187
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	908.582.894	547.159.388	361.423.506
Cộng	1.017.948.696	1.072.956.651	764.059.692	1.326.845.655

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp	635.439.122	635.439.122	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.309.608.037	7.949.230.261	10.148.972.683	3.509.350.459
Các khoản phải nộp khác	2.234.768.383	54.837.137	54.837.137	2.234.768.383
Cộng	4.179.815.542	8.639.506.520	10.203.809.820	5.744.118.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	51.678.056	-
Các khoản chi phí khác	655.895.205	416.283.343
Cộng	707.573.261	416.283.343

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	149.267.450	119.608.910
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	33.769.019.807	21.097.975.028
Công ty Cổ phần Điều Việt Phi	17.255.641.935	12.418.175.305
Phải trả khác	29.356.284.433	29.799.533.383
Cộng	80.530.213.625	63.435.292.626
b. Phải trả dài hạn khác		
Hợp tác kinh doanh với các cá nhân (*)	877.237.371.095	913.477.599.486
Công ty Cổ phần Tân Mai	-	1.992.382.862
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TIC Hà Nội	-	4.609.710.516
Công ty Bao bì và Xuất nhập khẩu	-	281.966.999
Cộng	877.237.371.095	920.361.659.863

- (*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân để đầu tư và kinh doanh sản phẩm thương mại tại dự án Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch. Thời gian thực hiện trong 36 tháng. Lợi tức phải trả là tiền thu được từ việc bán các căn hộ nhận hợp tác trừ đi tiền góp vốn. Nếu thời điểm kết thúc thời gian hợp tác mà việc kinh doanh các căn hộ không thành công, các cá nhân được hưởng lợi tức cố định hoặc chuyển nhượng các sản phẩm chưa bán thành công với giá thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai Hà Nội (i)	6.164.212.561	6.164.212.561	6.164.212.561	-	-	-
Cộng	6.164.212.561	6.164.212.561	6.164.212.561	-	-	-

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/11273578/HĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2024 để phục vụ đầu tư dự án "Tòa nhà văn phòng làm việc và giới thiệu sản phẩm Cầu Tiên". Tổng số tiền vay là 90.000.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 8,5%/năm được áp dụng từ 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) Lãi suất cơ sở + 4,5%/năm. Số tiền vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai hình thành từ khoản vay.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	143.344.067.142	2.630.274.317.142
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.788.820.292	8.788.820.292
Tại ngày đầu năm nay	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	152.132.887.434	2.639.063.137.434
Lãi trong năm	-	-	56.276.614.779	56.276.614.779
Tại ngày cuối năm nay	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	208.409.502.213	2.695.339.752.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Kinh doanh và Xúc tiến Đầu tư Tín Thành Tâm Anh	574.016.180.000	-
Công ty TNHH Bất động sản Tam Nông Phú Thọ	312.840.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	174.353.820.000	174.353.820.000
Công ty Cổ phần Thái Sơn Long An	113.250.000.000	113.250.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Cần Giuộc	106.950.000.000	106.950.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Giao thông T&T	101.938.000.000	101.938.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi	25.260.000.000	-
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	11.270.000.000	349.370.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	-	574.016.180.000
Các cổ đông khác	3.061.000.000	3.061.000.000
Cộng	1.422.939.000.000	1.422.939.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	142.293.900	142.293.900
- Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	142.293.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	142.293.900	142.293.900
- Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	142.293.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.268.254.315.345	6.719.576.252.339
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.234.416.702.132	6.698.210.464.419
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.837.613.213	21.365.787.920
Các khoản giảm trừ doanh thu	343.252.105	587.873.088
Chiết khấu thương mại	293.149.000	108.932.450
Giảm giá hàng bán	374.400	82.440.180
Hàng bán bị trả lại	49.728.705	396.500.458
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.267.911.063.240	6.718.988.379.251

Trong năm 2024, Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần đã mua hàng của Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (cổ đông lớn từ 01/01/2024 đến 30/12/2024) với tổng giá trị là 1.157.502.935.860 đồng và bán hết toàn bộ số hàng này cho người mua với tổng doanh thu là 1.157.649.281.576 đồng chiếm 91% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.233.794.148.236	6.702.330.663.953
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	23.982.086.242	17.182.206.540
Trích lập (Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.914.370.401)	95.584.393
Cộng	1.250.861.864.077	6.719.608.454.886

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm	52.885.300.833	59.750.976.520
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.883.478.787	935.901.236
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.153.307.969	35.237.948.764
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	39.005.859.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.653.492.831	29.944.037.124
Cộng	187.581.439.420	125.868.863.644

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	4.869.023.950	4.453.867.110
Chi phí vật liệu, bao bì	-	111.839.553
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	700.000	2.544.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	609.137.514	790.765.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.851.625.081	2.099.059.487
Chi phí bằng tiền khác	232.934.671	449.926.656
Cộng	7.563.421.216	7.908.002.357
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	12.955.723.233	10.325.466.906
Chi phí đồ dùng văn phòng	531.772.798	993.956.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.540.009	76.223.266
Thuế, phí, lệ phí	3.443.850.079	3.501.176.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.082.412.997	2.364.930.374
Chi phí bằng tiền khác	5.822.963.480	5.376.544.102
Cộng	23.880.262.596	22.638.297.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	92.759.314	286.010.974
Lãi tiền ứng trước của khách hàng	17.508.511.409	16.656.312.833
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	-	195.339.270
Chi phí tài chính khác	98.200.050.105	68.254.769.085
Cộng	115.801.320.828	85.392.432.162

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.912.053.901	8.788.820.292
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	55.080.781.370	35.237.948.764
- Lợi nhuận, cổ tức được chia	54.153.307.969	35.237.948.764
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm tiền, nợ phải thu có gốc ngoại tệ	927.473.401	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.345.923.077	1.807.441.669
- Chi phí không được trừ	1.345.923.077	1.807.441.669
Thu nhập chịu thuế	3.177.195.608	-
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	635.439.122	-

7. LÃI CƠ BẢN/ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.218.929.735	8.325.246.448
Chi phí nhân công	24.323.326.243	20.828.313.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.157.517.476	5.315.206.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.346.397.768	11.434.473.446
Chi phí khác bằng tiền	8.181.526.729	8.766.248.900
Cộng	56.227.697.951	54.669.488.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Kinh doanh và Xúc tiến Đầu tư Tín Thành Tâm Anh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Giao thông T&T	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thái Sơn Long An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bất động sản Cần Giuộc	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Bất động sản Tam Nông - Phú Thọ	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn (từ 01/01/2024 đến 30/12/2024)
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	Cổ đông lớn (từ 01/01/2024 đến 19/09/2024)
Công ty Cổ phần Bất động sản T&T Homes	Cùng cổ đông lớn (từ 01/01/2024 đến 30/12/2024)
Công ty TNHH Phát triển Đô thị Sóc Trăng Green Park	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Khu dân cư và Thương mại Dịch vụ Liêm Tuyền	Công ty con
Công ty Hợp sắt TOVECAN	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona Newtower	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành Công ty

Giao dịch với các bên liên quan trong năm:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê		
Công ty Hợp sắt TOVECAN	608.379.726	599.050.436
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	1.157.502.935.860	6.624.708.514.381
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu Tư Việt Hà	6.967.985.900	5.431.294.240
Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona Newtower	2.081.483.973	3.331.107.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Mai Xuân Sơn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	100.000.000	240.000.000
Ông Vũ Đức Trung - Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân - Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Việt Cường - Thành viên HĐQT	90.000.000	120.000.000
Ông Lê Anh Dũng - Thành viên HĐQT	50.000.000	120.000.000
Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Mạnh Hoàng - Trưởng Ban kiểm soát	-	60.000.000
Ông Trần Văn Quỳnh - Thành viên BKS	35.000.000	60.000.000
Bà Đinh Thị Hảo - Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Anh Dũng - Tổng Giám đốc	689.514.820	751.205.129
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - nguyên Tổng Giám đốc	511.602.618	-
Cộng	1.776.117.438	1.651.205.129

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh Bất động sản, kinh doanh rau quả, nông sản. Trong năm 2024, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là kinh doanh rau quả, nông sản (Chi tiết tại Thuyết minh VI.1 doanh thu từ bán hàng hóa chiếm 97% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ). Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Tổng Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**4. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG**

Tổng Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất như sau:

Hợp đồng thuê đất số 103/HĐ-TQSDĐ-2006 ngày 12 tháng 09 năm 2006 tại lô đất A60/I-A61/II, địa chỉ Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc - phường.Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian thuê đến hết ngày 30/08/2053. Tổng diện tích thuê là 11.000 m². Công ty phải trả tiền thuê đất một lần.

Hợp đồng thuê đất số 358/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/09/2020 tại xã Liên Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội với mục đích sản xuất kinh doanh và kho giống. Tổng diện tích thuê là 46.198 m², bao gồm Lô đất 44.967,7 m² với thời hạn thuê đất đến hết ngày 15/10/2043, phương thức thanh toán trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và lô đất 1.230,3 m² với thời hạn thuê đất hàng năm, phương thức thanh toán mỗi năm 2 kỳ.

Hợp đồng thuê đất số 235/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 10 tháng 07 năm 2020 tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với mục đích thuê để tiếp tục sử dụng làm kho chứa hàng hóa nông sản. Tổng diện tích đất thuê là 11.362,3 m². Thời hạn thuê và thanh toán hàng năm.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được phân loại lại để phù hợp với bản chất nghiệp vụ kinh tế. Cụ thể:

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 22/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2023 của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần về việc thông qua Phương án đầu tư cổ phần vào các đơn vị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng Nông sản Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất, Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội với số tiền lần lượt là 151.378.500.000 đồng, 274.262.664.000 đồng, 227.120.148.000 đồng, 257.500.000.000 đồng. Thời hạn đầu tư dự kiến 12 tháng đến 36 tháng với mục đích mua vào bán ra để kiếm lời.

Phân loại lại khoản vay cá nhân với số tiền 29.218.408.983 đồng từ "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sang "Phải trả ngắn hạn khác".

Phân loại lại khoản chi phí tiền lãi ứng vốn do người mua trả tiền trước với số tiền 33.516.150.333 đồng từ "Chi phí phải trả ngắn hạn" sang "Phải trả ngắn hạn khác".

Phân loại lại khoản tiền thu theo tiến độ dự án số 2 Phạm Ngọc Thạch với số tiền 84.873.626.916 đồng từ "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" sang "Người mua trả tiền trước ngắn hạn".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

5. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

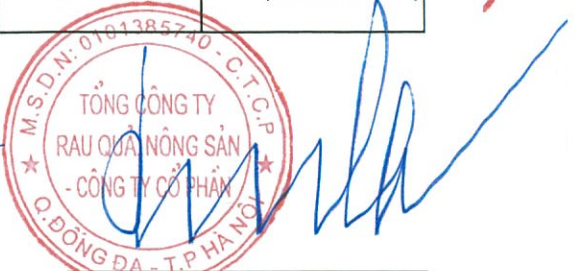
CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2023 (Trước điều chỉnh)	Phân loại lại	01/01/2024 (Sau điều chỉnh)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.932.993.552.968	910.261.312.000	3.843.254.864.968
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11.000.000.000	910.261.312.000	921.261.312.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	910.261.312.000	910.261.312.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.059.656.098.346	(910.261.312.000)	1.149.394.786.346
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.495.626.138.447	(910.261.312.000)	585.364.826.447
2. Đầu tư tài chính vào công ty liên doanh liên kết	252	1.089.250.309.060	(683.141.164.000)	406.109.145.060
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	407.531.584.800	(227.120.148.000)	180.411.436.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	4.992.649.651.314	-	4.992.649.651.314
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	2.353.586.513.880	-	2.353.586.513.880
I. Nợ ngắn hạn	310	1.433.224.854.017	-	1.433.224.854.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.240.043.913.013	84.873.626.916	1.324.917.539.929
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	33.932.433.676	(33.516.150.333)	416.283.343
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	84.873.626.916	(84.873.626.916)	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	700.733.310	62.734.559.316	63.435.292.626
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29.218.408.983	(29.218.408.983)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	4.992.649.651.314	-	4.992.649.651.314

ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 (Trước điều chỉnh)	Phân loại lại	Năm 2023 (Sau điều chỉnh)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(910.261.312.000)	(910.261.312.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	999.459.921.803	(910.261.312.000)	89.198.609.803
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(910.261.312.000)	910.261.312.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(919.888.703.402)	910.261.312.000	(9.627.391.402)


Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 05 năm 2025


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng


Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

